



V
V
V
S
I

QUYỀN NĂNG, TIẾNG NÓI và QUYỀN

Thời điểm bước ngoặt đối với vấn đề
Bình đẳng giới ở Châu Á và Thái Bình Dương

TỔNG QUAN

Tổng quan

Quyền năng, Tiếng nói và Quyền

Thời điểm bước ngoặt đối với vấn đề
Bình đẳng giới ở Châu Á và Thái Bình Dương



Xuất bản cho Chương trình
Phát triển Liên Hợp Quốc



Quyền năng, Tiếng nói và Quyền

Thời điểm bước ngoặt đối với vấn đề Bình đẳng giới ở Châu Á và Thái Bình Dương

Tổng quan

Bất bình đẳng giới hiện vẫn đang là một vấn đề phổ biến ở tất cả các quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, là rào cản đối với sự tiến bộ, công bằng, ổn định xã hội và hạn chế đối với nguồn tiềm năng con người to lớn của khu vực. Bất bình đẳng tồn tại dai dẳng bất chấp sự tăng trưởng và tiến bộ mạnh mẽ của khu vực, và thậm chí còn ảnh hưởng trầm trọng hơn đối với người nghèo và những người bị cô lập vì những lý do khác nhau. Đã đến lúc cần thay đổi tình trạng này bằng việc tập trung vào các thể chế trong ba lĩnh vực – kinh tế, chính trị và luật pháp. Những quyết định có cân nhắc trong xây dựng chính sách công kết hợp với thái độ và quan điểm thúc đẩy công bằng xã hội sẽ là những nhân tố giúp nuôi dưỡng một quá trình tiến tới bình đẳng giới.

Ngày nay, Châu Á – Thái Bình Dương đang đứng trước một thời điểm quyết định. Vấn đề bình đẳng giới sẽ bị gạt qua một bên hay sẽ được quan tâm giải quyết với nguồn lực dồi dào hơn trong bối cảnh suy thoái kinh tế đang phụ thuộc vào chính những hành động ngay trong thời điểm này của các chính phủ và các chủ thể liên quan khác trong khu vực. Tác động tổng hợp của nhiều nhân tố trong điều kiện hiện nay đang đặt ra cả các cơ hội và thách thức – bao gồm những tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, y tế và giới; tình trạng bất bình đẳng gia tăng; một số xu hướng tụt hậu trong bình đẳng giới; nhóm dân số trẻ ngày càng tăng với khoảng cách về giáo dục ngày càng được thu hẹp; tầng lớp trung lưu đang phát triển về số lượng với khả năng tài chính to lớn; tự do hóa và toàn cầu hóa kinh tế sâu sắc hơn, và những hậu quả của quá trình suy thoái kinh tế toàn cầu mới diễn ra gần đây. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang tạo ra những tác động lớn đến việc hoạch định chính sách công, nhưng không thể coi đây là một cái cớ để có thể chậm trễ trong việc bảo đảm bình đẳng giới. Ngược lại, đây nên được coi là một cơ hội để thúc đẩy sự tiến bộ và ổn định lâu dài.

Báo cáo Khu vực về Phát triển Con người này chỉ rõ bất bình đẳng giới là nhân tố hạn chế khả năng tự do lựa chọn của cả phụ nữ, nam giới, và những người có nhận diện giới tính khác; sự bất bình đẳng này kìm hãm sự phát triển của toàn

nhân loại. Báo cáo này tập trung vào các thể chế trong ba lĩnh vực – kinh tế, chính trị và luật pháp – là những lĩnh vực có thể tạo nên những thay đổi có tầm ảnh hưởng sâu rộng tới xã hội. Trong mỗi lĩnh vực đều có những thách thức riêng. Tuy nhiên, các quyết định có cân nhắc trong xây dựng chính sách công kết hợp với thái độ và những quan điểm đề cao công bằng xã hội có thể “mở ra những cơ hội” đẩy nhanh quá trình tiến tới bình đẳng giới.

Châu Á – Thái Bình Dương đang đứng ở đâu trong vấn đề bình đẳng giới

Nhìn nhận bình đẳng giới qua “lăng kính” phát triển con người, Báo cáo chỉ ra rằng nhiều quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương đã có những cam kết chính thức đối với vấn đề được coi là một trong những mục tiêu phát triển căn bản này. Trong toàn khu vực, phụ nữ ngày nay có tuổi thọ cao hơn và được giáo dục tốt hơn. Tại một số quốc gia, trẻ em nữ đang vượt trội hơn trẻ em nam trong lĩnh vực giáo dục với số lượng sinh viên đại học là nữ ngày càng cao hơn so với sinh viên nam. Khoảng cách về giới trong lực lượng lao động cũng ngày càng giảm đi khi tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động ngày càng tăng. Ở một vài quốc gia, tỷ lệ phụ nữ tham gia chính trị đã đạt cao hơn tỷ lệ bình quân toàn cầu. Quan trọng không kém, những đạo luật mang tính phân biệt đối xử đã được bãi bỏ và một số quốc gia đã lồng ghép vấn đề bình đẳng giới một cách có hệ thống vào các chính sách quốc gia.

Mặc dù đã đạt được những thành quả vừa nêu, Châu Á – Thái Bình Dương vẫn đang còn tụt hậu trên một số khía cạnh của bình đẳng giới so với các khu vực đang phát triển khác trên thế giới – cũng như trên khía cạnh khi nào thì khu vực này sẽ có được sự quan tâm thích đáng và cam kết chính trị phù hợp đối với vấn đề này. Giữa các vùng trong khu vực hiện đang có sự chênh lệch lớn: trong khi Đông Á và Thái Bình Dương đang tiến bộ nhanh chóng thì Nam Á lại đang dậm chân tại chỗ trong một số vấn đề quan trọng. Trên thực tế, xếp hạng theo một số chỉ số về chênh lệch giới – như sức khỏe, tỷ lệ người trưởng thành biết chữ, tỷ lệ tham gia hoạt động kinh tế – của khu vực Nam Á thường là rất gần hoặc thậm chí là thấp hơn so với khu vực cận Sahara của Châu Phi. Trong khi đó, Châu Á lại đang là nơi có tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh cao nhất trên thế giới do tình trạng nạo phá thai trẻ em nữ và sát hại trẻ em nữ sơ sinh khiến cho các nước này đang “thiếu hụt” 96 triệu phụ nữ. Trên hầu khắp các khu vực khác trên thế giới, phụ nữ chiếm 51% dân số trong khi ở Châu Á – Thái Bình Dương, phụ nữ chỉ chiếm 49%.

Phụ nữ trong khu vực cũng chịu nhiều ảnh hưởng của nghèo đói hơn nam giới, không chỉ vì họ có thu nhập thấp hơn, mà còn vì khả năng tiếp cận các cơ hội kinh tế của họ bị hạn chế do thái độ phân biệt đối xử kìm hãm khả năng di chuyển, lựa chọn việc làm và quyền định đoạt đối với tài sản của họ. Xét về tỷ lệ phụ nữ tham gia chính trị, Châu Á – Thái Bình Dương xếp dưới tất cả các khu vực khác trên thế giới ngoại trừ một số quốc gia A-rập. Nhiều quốc gia trong khu vực chưa có

bất kỳ đạo luật nào về bạo lực gia đình. Ngay cả ở những quốc gia đã ban hành luật phòng chống bạo lực gia đình, việc thi hành vẫn còn nhiều bất cập.

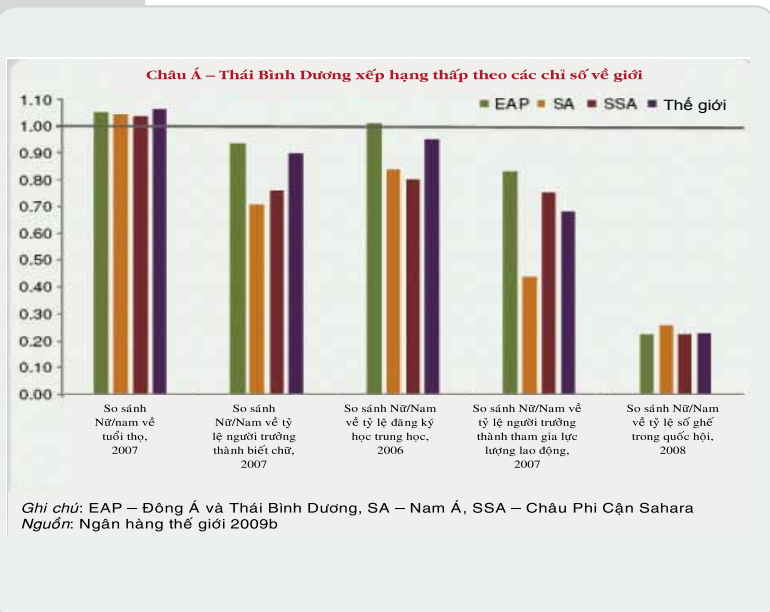
Tại sao Châu Á – Thái Bình Dương chưa tiến được gần hơn tới việc đạt được bình đẳng giới

Châu Á – Thái Bình Dương đang tụt hậu trong lĩnh vực bình đẳng giới vì nỗ lực của từng quốc gia trong khu vực chưa đủ sâu rộng, bền vững và nghiêm túc để làm giảm những hình thức phân biệt đối xử nghiêm trọng đang tồn tại dai dẳng ở đây. Đặc biệt, nỗ lực của các quốc gia này trong việc tạo ra những thay đổi mang tính hệ thống về kinh tế, chính trị và luật pháp vẫn chưa đủ để tạo nên những chuyển biến sâu sắc cùng lúc trên nhiều lĩnh vực.

Tình trạng thiếu người đại diện cho quyền lợi phụ nữ trong các thể chế kinh tế, chính trị và pháp luật trong khu vực đã tạo nên hạn chế về quyền năng và tiếng nói của phụ nữ, khiến cho sự bất bình đẳng diễn ra tự nhiên mà không bị ngăn chặn. Tình trạng thiếu kiến thức góp phần dẫn đến việc không có biện pháp nào, dù là nhỏ, để giải quyết vấn đề này. Ở nhiều quốc gia, phụ nữ có thể có trình độ văn hóa tương đương với nam giới nhưng lại không hiểu biết về các quyền của mình, hoặc vì nhiều lý do khác nhau mà không thể thực thi các quyền đó. Rất nhiều chính sách lớn hiện vẫn là do nam giới quyết định; và nhiều trong số những chính sách này không phải là những gì phần lớn phụ nữ, và thậm chí là cả một số nam giới, mong muốn.

Những tư tưởng được mặc nhiên công nhận chính là cội nguồn hình thành nên luật pháp, chính sách, thể chế xã hội và hoạt động của những thể chế này, kể cả những tư tưởng thường được nhìn nhận là “trung lập về giới” và được xây dựng nên nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của mọi công dân. Khi những định kiến coi phụ nữ là công dân hạng hai đã ăn sâu bám rễ, nó sẽ trở thành một thành trì kiên cố cản trở sự thay đổi, ngay cả khi có những cam kết chính sách và hành động. Một thực thể có vẻ như “trung lập” vẫn có thể vận hành một cách định kiến, không công bằng do sự thiếu nhạy cảm của thể chế đó đối với những nhu cầu khác nhau của nam và nữ giới. Tăng cường khả năng đáp ứng đối với nhu cầu khác nhau này sẽ giúp cải thiện cả hoạt động và kết quả của các thể chế vừa nêu.

Do đó, Châu Á – Thái Bình Dương đang gặp phải những vấn đề khó khăn đeo đẳng trong việc



bảo đảm bình đẳng giới cả về năng lực và cơ hội. Trên phần lớn các vùng trong khu vực, phụ nữ vẫn được trang bị năng lực kém hơn nam giới; họ được giáo dục ít hơn và được chăm sóc y tế ít hơn nhiều. Nhưng ngay cả khi phụ nữ được trang bị năng lực tốt thì họ vẫn phải đối mặt với sự hạn chế về cơ hội; chẳng hạn như một vấn đề thường thấy là nhiều phụ nữ mặc dù có trình độ cao nhưng lại phải làm những công việc không sử dụng đến kỹ năng họ đã được đào tạo. Hai vấn đề này có quan hệ tương hỗ mật thiết với nhau vì phải có năng lực mới tận dụng được cơ hội và ngược lại, cơ hội lại giúp tăng cường năng lực. Thông thường, bình đẳng giới thường được thúc đẩy bằng những chính sách được xây dựng theo hướng khu biệt. Điều này một phần là do vấn đề giới từ trước đến nay vẫn thường được quan niệm là vấn đề “chỉ liên quan đến phụ nữ”. Nhưng thực tế vấn đề giới không chỉ là về phụ nữ mà còn liên quan đến cả nam giới và những người có nhận diện giới tính cũng như khuynh hướng tính dục khác. Mặc dù tình trạng bất bình đẳng nghiêm trọng về vị thế của phụ nữ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương khiến cho việc tập trung sâu vào vấn đề này là cần thiết nhưng để đạt được bình đẳng giới thì tất cả những thông lệ, định kiến và quan điểm về giới cũng như cách thức vận hành của chúng trong việc cản trở con người theo đuổi những lựa chọn đích thực và cơ hội của mình đều cần phải được xem xét đánh giá lại.

Tại sao phải tăng cường hành động về bình đẳng giới – và Tại sao lại là bây giờ?

Bình đẳng giới thường được xếp vào loại vấn đề về quyền con người và công bằng xã hội. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều căn cứ cho thấy bình đẳng giới còn là một vấn đề kinh tế rất quan trọng. Chẳng hạn trong hơn 10 năm qua, sự gia tăng số lượng phụ nữ đi làm ở các quốc gia phát triển đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế thế giới nhiều hơn cả sự đóng góp của nền kinh tế đang lên là Trung Quốc. Nếu đạt được tỷ lệ phụ nữ tham gia thị trường lao động như ở Hoa Kỳ – trên 70 phụ nữ tham gia thị trường lao động – thì GDP của các quốc gia như Ấn Độ có thể tăng thêm 4,2%/năm, Malaysia 2,9%/năm và Indonesia 1,4%/năm. Ở đâu tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động hiện nay càng thấp thì càng có tiềm năng đạt mức tăng cao hơn.

Bình đẳng giới chỉ có thể được coi là sự chiến thắng của phụ nữ và thất bại của nam giới khi nó

được hiểu một cách hạn hẹp là trao nhiều lợi ích hơn cho phụ nữ. Nhưng nếu tiếp cận một cách toàn diện hơn thì nam giới cũng được hưởng lợi từ việc xem xét lại những định kiến về giới có ảnh hưởng tới cuộc sống của họ. Những câu hỏi có thể đặt ra là tại sao nam giới lại thường chiếm đa số trong một số loại hình công việc nguy hiểm độc hại; hay tại sao tỷ lệ nam giới chết vì những nguyên nhân bạo lực lại cao hơn. Một số nam giới về bản chất là những người mong muốn những mối quan hệ dựa trên sự hợp tác bình đẳng lại sinh ra trong những xã hội nơi họ được quy định phải thống trị đối với phụ nữ. Những sự bó buộc này tạo ra những sức ép rất lớn lên nam giới, khiến nhiều người trong số họ phải đưa ra những lựa chọn theo sự quy định của xã hội chứ không phải theo những mong muốn và nhu cầu đích thực xuất phát từ bản thân mình.

Là một phần không thể thiếu đối với việc tôn trọng sự đa dạng của con người, bình đẳng giới giúp đảm bảo sự ổn định và hòa hợp thực sự và lâu dài của xã hội chứ không chỉ là sự bình yên ở vẻ bề ngoài. Con đường tiến tới sự hòa hợp có thể phải trải qua những nghi ngờ, đối kháng và xung đột trong thời kỳ quá độ. Tuy nhiên theo thời gian, bình đẳng giới sẽ giúp mở ra không gian cho tất cả mọi người với những nhận diện giới tính khác nhau có thể tương tác và thương lượng một cách công bằng, tạo ra cơ hội và nhiều sự lựa chọn cho con người theo đuổi giá trị cuộc sống và hoàn thành những tâm nguyện của họ. Bình đẳng giới giúp mang lại cuộc sống hạnh phúc và bình yên cho mọi gia đình, và tạo ra cho mọi trẻ em cơ hội được sinh ra, lớn lên, và trưởng thành. Bình đẳng giới xóa bỏ nguồn gốc của sự bất công, áp bức đè nén, bất mãn và thù hận. Xuất phát từ bản chất của mình, sự bình quyền giúp làm nên nhân phẩm của con người, nuôi dưỡng tự do, tạo ra cơ hội và sự chọn lựa cho mỗi người được sống đúng cuộc sống mà họ mong ước. Các xã hội dân chủ được xây dựng trên nền tảng là sự bình đẳng và bình quyền đều đảm bảo mỗi người được chia sẻ cả trách nhiệm và lợi ích trong xã hội. Hạn chế sự tham gia và tiếng nói của phụ nữ là trái với tinh thần dân chủ.

Châu Á – Thái Bình Dương hiện nay đang ở một vị trí thuận lợi chưa từng có để tạo ra những bước tiến nhanh chóng trên con đường đạt đến bình đẳng giới. Một bầu không khí thay đổi năng động đang bao trùm và chiếm ưu thế khi người dân đã và đang cảm nhận được những lợi ích của sự phát triển, tin vào sự đổi thay, và ngày càng

yêu cầu nhiều hơn từ những người lãnh đạo và từ chính bản thân họ. Những chuyển biến trong cơ cấu dân số – phần lớn lớp người trẻ tuổi cùng với tầng lớp trung lưu ngày càng tăng với xu hướng tiêu dùng mạnh mẽ – là những lực lượng lớn có thể làm thay đổi thái độ, xóa bỏ những luật lệ gò bó, và thúc đẩy bình đẳng giới. Sự chênh lệch giữa số lượng trẻ em nam và nữ được đi học cũng như những trường hợp trẻ em nữ chiếm đa số trong các trường đại học cũng tạo ra một mảnh đất phì nhiêu cho những hạt giống của sự thay đổi qua từng thế hệ. Các thể chế đã được cải thiện, các nguồn lực trở nên dồi dào hơn, cam kết chính trị tăng cao, và khả năng thay đổi thái độ của xã hội đã lớn hơn rất nhiều so với trước đây.

Quan trọng hơn cả, để đạt được những bước tiến mạnh mẽ hơn trong việc tiến tới bình đẳng giới ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sẽ cần những bước đi có tính toán về mặt chính sách như được trình bày trong báo cáo này. Phân biệt đối xử dựa trên giới tính sẽ không tự nó mất đi, và có thể cũng không phải là một hiện tượng mà xã hội tự điều chỉnh được trong quá trình phát triển. Cũng không có biện pháp can thiệp đơn lẻ nào về mặt chính sách đủ sức là một loại “thần dược” để xóa bỏ bất bình đẳng giới. Do đó, ba lĩnh vực được lựa chọn trong Báo cáo này – kinh tế, chính trị, pháp luật – cần phải được xem xét để tìm ra những mối quan hệ tương tác giữa chúng với nhau và cách thức vận hành của chúng trên các lĩnh vực khác nhau nơi có sự hiện diện của bất bình đẳng giới. Hoạt động phân tích trong Báo cáo này còn được định hướng bởi ba phương hướng chính: phải có các thể chế đúng, thái độ phải phù hợp để các thể chế có thể vận hành theo đúng tính toán, và phải có hoạt động đánh giá liên tục để tìm ra những khiếm khuyết và giám sát quá trình tiến bộ.

Xây dựng năng lực kinh tế

Tất cả mọi người, dù là thuộc giới tính nào, đều phải có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội kinh tế. Con người phải tìm kiếm nguồn lực và sinh kế để có thể sống và duy trì sự sống của mình. Nhưng vượt trên điều đó, năng lực kinh tế còn giúp con người tăng cường khả năng của mình để mở ra nhiều lựa chọn hơn cho một cuộc sống thỏa nguyện và sáng tạo.

Như đã trình bày ở trên, ngày càng có nhiều căn cứ để khẳng định rằng bình đẳng giới mang một ý nghĩa kinh tế tích cực. Tình trạng có ít phụ nữ tham gia lực lượng lao động tại Châu Á – Thái

Bình Dương ước tính đã làm mất đi của khu vực này khoảng 89 tỷ USD mỗi năm. Một ước tính khác sử dụng số liệu từ năm 1960 đến 2000 cũng cho thấy bất bình đẳng giới trong giáo dục và việc làm hằng năm đã tạo ra sự chênh lệch lớn về tỷ lệ tăng trưởng bình quân đầu người giữa khu vực Nam Á và Đông Á lên tới 1,6%. Trong khoảng thời gian này, Đông Á đã có bước tiến nhảy vọt về tuổi thọ và giáo dục cho phụ nữ, và đã đưa được một số lượng kỷ lục phụ nữ đến các công sở làm việc. Do đó, khu vực này đã tăng trưởng nhanh hơn tất cả các vùng khác trên toàn thế giới.

Bình đẳng giới chưa đạt những bước tiến nhanh ở Châu Á – Thái Bình Dương một phần là do vẫn còn tồn tại những rào cản nghiêm trọng cản trở phụ nữ tham gia đầy đủ vào môi trường kinh tế. Trong vấn đề quyền sở hữu và định đoạt đối với tài sản và khả năng tạo thu nhập – hai con đường chính để đạt được sự sung mãn về kinh tế, phụ nữ vẫn đang bị bỏ xa lại phía sau trên hầu như tất cả các vùng trong khu vực, trong khi bản thân khu vực này cũng đang còn tụt hậu so với phần lớn các vùng khác trên thế giới.

Quyền tài sản

Cả hai khía cạnh liên quan đến tài sản – quyền sở hữu và quyền định đoạt – đều cần được cân nhắc kỹ lưỡng để tài sản có thể góp phần thực sự vào việc thúc đẩy bình đẳng giới. Nếu phụ nữ chỉ có quyền sở hữu một tài sản mà không thể quyết định sử dụng tài sản đó như thế nào thì cũng chưa đủ. Ngược lại, nếu chỉ có quyền định đoạt mà không có quyền sở hữu thì có thể đạt được một số lợi ích trong ngắn hạn, nhưng về lâu dài thì lại là một tình huống không chắc chắn. Nhìn chung, tài sản là một nhân tố quan trọng trong việc cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới. Một số tài sản như đất, nhà ở, gia súc, các nguồn của cải chung, công việc kinh doanh, sức khỏe, tài chính, là những tài sản hết sức quan trọng vì nó có thể được dùng để đạt được những tài sản khác, duy trì kinh doanh, hoặc đa dạng hoạt động hóa sinh kế. Nhưng đối với những người nghèo nhất, đôi khi họ chỉ có tài sản duy nhất là sức khỏe và mãi mãi vật lộn trong nghèo túng khi tài sản duy nhất này bị suy yếu đi do đói kém, ốm đau hoặc tai nạn.

Nhìn chung, khả năng tiếp cận của phụ nữ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đối với các tài sản khác nhau còn hạn chế hơn so với các khu vực khác. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc, trên hầu hết các khu vực của thế

giới, phụ nữ trung bình sở hữu 20% diện tích đất nông nghiệp trong khi đó ở Châu Á – Thái Bình Dương, con số này chỉ là 7%. Ngược lại, điều thú vị là theo số liệu năm 2007, hơn 65% việc làm của phụ nữ Nam Á là trong ngành nông nghiệp, còn ở Đông Á, con số này là hơn 40%.

Cơ cấu sở hữu và định đoạt đối với đất đai và các tài sản khác ở các vùng khác nhau trong khu vực dao động tương đối đa dạng phản ánh một thực tế là rất nhiều tập quán hiện nay, đặc biệt là những tập quán liên quan đến đất đai, là những di sản của những tập tục từ xa xưa. Một số tập quán cũng đã ra đời như là kết quả của cấu trúc tổ chức xã hội phức tạp.

Trong hầu hết những cơ cấu quyền sở hữu và định đoạt đối với tài sản, nam giới thường có cơ hội được thừa kế, sở hữu và quản lý những diện tích đất lớn trong khi hoạt động của phụ nữ bị bó gọn trong nội bộ căn nhà nhỏ hẹp. Đồng thời, phụ nữ khi thực hiện hoạt động kinh doanh thường là do nhu cầu buộc phải làm chứ không phải là do nắm bắt được cơ hội kinh doanh.

Bất bình đẳng giới nghiêm trọng cũng góp phần làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV của phụ nữ. Tỷ lệ phụ nữ trong số những người có HIV ở Châu Á đang gia tăng, từ 19% năm 2000 lên 24% năm 2007. Tại Nam Á, hơn 60% trong số hơn 1 triệu thanh thiếu niên dương tính với HIV tuổi từ 15–24 là nữ. Tại Châu Á, ảnh hưởng của HIV thể hiện rõ nhất ở cấp độ gia đình. Phụ nữ với vai trò là người chăm sóc, người làm việc kiếm tiền, và người vợ thường chính là những người phải chịu đựng gánh nặng từ hậu quả của HIV. Những ảnh hưởng nghiêm trọng của HIV đối với gia đình thường khiến cho phụ nữ lâm vào những hoàn cảnh hết sức đau khổ, trong đó có tình cảnh bị bóc lột tình dục và tăng nguy cơ lây nhiễm HIV. Hầu hết phụ nữ có HIV ở Châu Á là do bị lây nhiễm từ chính chồng của mình. Khi người chồng mất đi, họ lại chính là những người thường bị đổ lỗi, và trong một số trường hợp, bị tước mọi quyền hạn đối với đất đai và nhà ở. Bình đẳng về quyền thừa kế và quyền đối với tài sản có thể giúp cải thiện đáng kể khả năng của phụ nữ trong việc phòng ngừa và đối phó với những ảnh hưởng của HIV/AIDS, đặc biệt là khi sự bình đẳng này kết hợp với các chương trình an sinh xã hội phù hợp.

Phụ nữ có thể đạt được và sử dụng tài sản thông qua nhiều con đường, trong đó có thông qua nhận chuyển nhượng, thông qua quan hệ hôn nhân và gia đình, và thông qua thừa kế. Tuy nhiên ở tất cả những con đường này họ đều đang gặp

phải khó khăn: Việc nhận chuyển nhượng trực tiếp đòi hỏi phải có các nguồn lực mà rất nhiều phụ nữ không có được cũng như những quy tắc xã hội ủng hộ quyền sở hữu của phụ nữ. Bên cạnh đó, tập quán về thừa kế và hôn nhân thường bảo vệ việc duy trì quyền sở hữu và định đoạt tài sản của nam giới. Tập quán này ở một số nơi vẫn được pháp luật cho phép, thậm chí ủng hộ.

Lợi ích của việc sở hữu và định đoạt tài sản dễ thấy nhất là ở khía cạnh kinh tế và còn mở rộng ra rất nhiều khía cạnh khác liên quan đến việc tăng quyền và đời sống của phụ nữ. Do đó, tăng cường khả năng tiếp cận của phụ nữ trong lĩnh vực này góp phần thúc đẩy những tiến bộ về bình đẳng giới trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Ví dụ, những phụ nữ sở hữu đất đai thường có tiếng nói có trọng lượng hơn trong các quyết định của gia đình so với những phụ nữ không sở hữu đất. Quyền sở hữu tài sản cũng ảnh hưởng tới vị thế của người phụ nữ trong những thời điểm khủng hoảng như ly dị, ốm đau, bạo lực gia đình, hoặc thiên tai.

Trong một số trường hợp, phụ nữ đã đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài sản, nhưng lợi thế này lại chưa được chú ý khai thác. Các chính sách công đã thừa nhận những vai trò này có thể phát huy nền tảng đó vừa giúp thúc đẩy bình đẳng giới vừa giúp gia tăng lợi ích kinh tế thông qua giải phóng tiềm năng sản xuất. Mặc dù còn có khó khăn về tín dụng và vốn, nhưng số lượng phụ nữ gia nhập vào nền kinh tế ở Châu Á – Thái Bình Dương đang gia tăng rất ổn định; gần 35% số doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực do phụ nữ đứng đầu.

Việc làm có thu nhập mở ra nhiều cơ hội

Trong những thập kỷ gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và sự thay đổi của các định kiến xã hội trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã giúp đưa một số lượng kỷ lục phụ nữ đến với những việc làm có thu nhập. Việc làm có thu nhập giúp cho phụ nữ có nguồn thu, và quan trọng hơn là giúp họ nuôi dưỡng những năng lực mới và phát triển tính độc lập tự chủ. Khi công việc này diễn ra ngoài phạm vi nơi ở, phụ nữ sẽ có cơ hội tiếp xúc với nhiều người và ý tưởng mới và giúp phá vỡ những quy tắc xã hội gò bó, kìm nén họ. Tuy nhiên, một số giả định về vai trò của phụ nữ trên thị trường lao động được mặc nhiên coi là đúng trong chính sách của một số quốc gia có thể lại không đem lại lợi ích thực sự cho phụ nữ. Một trong những giả định này là bất kỳ việc làm có

thu nhập nào cũng có thể giúp phụ nữ thoát khỏi đói nghèo. Giả định này đã khiến cho các quốc gia trên toàn khu vực chỉ tập trung vào nới lỏng các quy định để khuyến khích tạo ra việc làm mà không tập trung thích đáng vào bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm chất lượng của việc làm được tạo ra. Chính tình trạng này cũng góp phần che giấu một thực trạng là thị trường lao động Châu Á – Thái Bình Dương vẫn đầy rẫy những bất bình đẳng về giới trong đó phụ nữ thường chỉ có được những công việc tồi tệ nhất, được trả lương rẻ mạt nhất – những việc mà nam giới không muốn làm, hoặc những việc được cho là “tất yếu” dành riêng cho phụ nữ.

Khi những định kiến này không được ngăn chặn, việc hoạch định chính sách vô hình trung thường không nhận thấy tiềm năng của phụ nữ trong lực lượng lao động, bỏ qua những nguyên tắc về công bằng và bình đẳng về cơ hội, và đánh giá thấp những tổn thất về kinh tế mà tình trạng này gây ra. Đông Á, khu vực thành công nhất tại Châu Á – Thái Bình Dương xét về tốc độ tăng trưởng, cũng là nơi có sự chênh lệch thấp nhất thế giới giữa tỷ lệ phụ nữ và nam giới có việc làm trên tổng số phụ nữ và nam giới, đồng thời là nơi ít có sự phân chia loại hình công việc theo giới tính.

Một số nhân tố có tác động đến khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với những việc làm có thu nhập bao gồm tỷ lệ phụ nữ biết đọc biết viết, tỷ lệ được đến trường, cùng với sự thay đổi cách nhìn của xã hội đối với việc phụ nữ đi làm, đặc biệt là sự chấp nhận ngày càng tăng của xã hội với việc phụ nữ làm việc ở những môi trường ngoài gia đình. Phụ nữ đi làm có thể là do những thôi thúc cấp bách về kinh tế để nuôi sống bản thân và gia đình, hoặc cũng có thể là do nguyện vọng vươn tới một cuộc sống tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, về tổng thể, phụ nữ vẫn đang phải đứng sau nam giới xét về tỷ lệ có việc làm, mức lương, cũng như cơ hội việc làm. Phần lớn phụ nữ có việc làm ở Châu Á – Thái Bình Dương chỉ có được những việc làm bấp bênh – thường được xác định là lao động tự do hoặc lao động phụ trong gia đình. Đây vẫn là xu hướng chiếm ưu thế mặc dù ở từng quốc gia tình trạng này dao động ở nhiều mức độ khác nhau.

Giới tính cũng ảnh hưởng đến loại hình công việc mà phụ nữ chọn lựa. Ở những quốc gia nơi nam giới thường di cư từ khu vực nông thôn ra đô thị tìm kiếm cơ hội việc làm, phụ nữ thường phải ở lại cánh đồng công việc đồng áng của gia đình. Những xu hướng gần đây cho thấy ngày càng nhiều phụ nữ Châu Á – Thái Bình Dương di cư đến

những nơi khác. Việc di chuyển này mở rộng cơ hội việc làm và lựa chọn cuộc sống của họ. Kiểu hối mà họ gửi về với tư cách là một nguồn trao đổi ngoại tệ đã đóng góp rất lớn cho các nền kinh tế đang phát triển. Tuy nhiên phụ nữ di cư thường có nguy cơ lây nhiễm HIV cao, ví dụ như tình trạng đã diễn ra trong nhóm phụ nữ Châu Á làm việc tại các quốc gia A-rập. Tình trạng này xuất phát từ những nguy cơ mà họ gặp phải trong nhiều giai đoạn khác nhau của chu trình di cư. Bản chất đơn độc của công việc giúp việc nhà trong điều kiện lạ lẫm và khó khăn, cùng với những đạo luật lao động không phù hợp của những quốc gia nơi họ làm việc đẩy những phụ nữ làm công việc giúp việc nhà vào nguy cơ bị xâm hại về nhân phẩm, thể chất và tình dục. Lao động nhập cư có HIV khi bị phát hiện thường bị sa thải và trục xuất. Do đó, cải thiện các quyền và điều kiện cho phụ nữ di cư có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc đảm bảo sức khỏe, cuộc sống, cũng như cơ hội việc làm của họ.

Trên khắp Châu Á – Thái Bình Dương, phụ nữ đang làm việc trong khu vực dịch vụ nhiều hơn nam giới. Nguyên nhân có thể là do lựa chọn công việc của hai giới và do ngành dịch vụ ít đòi hỏi kỹ năng công việc hơn so với ngành sản xuất, nơi nam giới chiếm đa số. Khu vực dịch vụ cũng bao gồm nhiều ngành nghề thường được coi là điển hình cho khả năng của phụ nữ như y tá hoặc chăm sóc khách hàng. Tuy nhiên, số lượng phụ nữ làm việc trong ngành sản xuất cũng đang gia tăng trong phân khúc công việc thu nhập thấp và hợp đồng phụ. Mặc dù những công việc này có thể tạo ra cơ hội, công nhân nữ cũng phải đối mặt với nhiều nguy cơ như sự cạnh tranh ngày càng tăng trong các ngành dựa vào xuất khẩu như may mặc.

Mặc dù pháp luật quy định đảm bảo trả lương bình đẳng trong những công việc giống nhau, thực tế cho thấy phụ nữ chỉ kiếm được từ 54 đến 90% so với thu nhập của nam giới tại các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương. Khoảng cách về thu nhập xuất phát từ thực trạng phụ nữ đang chiếm đa số trong những vị trí thu nhập thấp, công việc và sự nghiệp của họ thường bị gián đoạn vì những lý do liên quan đến gia đình, và tình trạng đánh giá thấp những công việc điển hình phù hợp với phụ nữ. Những khó khăn khác bao gồm định kiến của một số chủ lao động và phụ nữ thường thiệt thòi trong thương lượng. Khoảng cách về lương bổng dựa trên giới tính dao động giữa các quốc gia, các khu vực kinh tế, và các thời kỳ khác nhau, đồng thời tồn tại dai dẳng không chỉ ở các hoạt động kinh

tế ngoại vi, không chính thức mà cả những ngành nghề chính thống như lập trình phần mềm, kế toán, giáo viên. Ví dụ, các nữ nhân viên lập trình phần mềm chỉ kiếm được 80% so với thu nhập của nhân viên phần mềm là nam giới tại Singapore và 90% ở Hàn Quốc. Có nhiều nhân tố góp phần giữ chân phụ nữ ở các công việc thu nhập thấp và nhiều nguy cơ tại các khu vực thành thị. Phụ nữ thường sử dụng mạng lưới không chính thức của mình bao gồm hàng xóm, bạn bè, họ hàng... để tìm việc làm, và thường là chỉ tìm những việc làm ở gần nơi sinh sống của mình. Nhưng cả những mạng lưới cũng như những địa bàn tìm việc này đều thường không cho phép họ có nhiều lựa chọn về công việc. Phụ nữ làm những công việc thu nhập thấp thường không có điều kiện nâng cao năng lực để từ đó vươn lên những công việc tốt hơn. Trong khi đó, các mối quan hệ và khả năng di chuyển của nam giới thường cao hơn.

Sau tác động của quá trình suy thoái kinh tế, tình trạng bất bình đẳng giới trở nên khá rõ nét khi quan sát xu hướng sa thải nhân viên nữ. Theo báo cáo, một số chủ lao động cũng đã gây sức ép buộc nhân viên nữ từ bỏ chế độ nghỉ, nghỉ phép, và các lợi ích bảo hiểm xã hội vì họ biết rằng những nhân viên này hoặc là không hiểu rõ về quyền lợi của mình, hoặc là không có cách nào để bảo vệ các quyền đó.

Mặc dù việc làm có thu nhập có thể góp phần quan trọng vào việc tăng quyền cho phụ nữ, chúng ta không thể tách rời nó khỏi những công việc mà người phụ nữ phải thực hiện trong gia đình như chăm sóc con cái, nấu ăn, dọn dẹp hay mua sắm cho gia đình. Đây là những công việc thường không được trả lương và không được nhìn nhận nhưng lại chính là những việc tiêu tốn rất nhiều thời gian và năng lượng. Việc chăm sóc gia đình vẫn còn được coi là trách nhiệm của phụ nữ, kể cả khi họ đã phải làm việc nhiều giờ ở bên ngoài. Một số nhà kinh tế học ủng hộ nữ quyền đã kêu gọi tính toán giá trị những công việc gia đình không được trả lương của người phụ nữ để có một cái nhìn thích đáng hơn về sự đóng góp của phụ nữ cho kinh tế gia đình.

Phát triển cho mọi người

Các thách thức cản trở phụ nữ Châu Á – Thái Bình Dương tham gia bình đẳng vào hoạt động kinh tế cần được giải quyết với tư cách là một vấn đề công lý đem lại lợi ích cho phụ nữ, xã hội, và tổng thể các nền kinh tế. Những thách thức này không phải

là không thể vượt qua. Tiến bộ có thể đến từ nhiều lĩnh vực, được thúc đẩy bằng sự công nhận ngày càng rộng rãi về tiềm năng đóng góp kinh tế lớn lao của phụ nữ. Các bước đi tích cực tiếp theo có thể giúp đẩy nhanh quá trình này.

Tăng cường tiếng nói chính trị

Được tiếp cận với chính trường là một điều kiện quan trọng giúp nam giới và phụ nữ nói lên nguyện vọng và hình thành các giải pháp vì sự tiến bộ của bản thân trong môi trường xã hội. Bình đẳng giới trong tham gia chính trị là một đòi hỏi công bằng và căn bản đối với khái niệm dân chủ.

Tại Châu Á – Thái Bình Dương, phụ nữ đã chứng minh những gì mình có thể đóng góp về mặt chính trị. Họ nắm giữ một tiếng nói mạnh mẽ trong các thể chế chính trị chính thức như trong các cơ quan lập pháp, chính quyền địa phương, cũng như trong các tổ chức xã hội dân sự. Phụ nữ đã lãnh đạo các quốc gia, các đảng chính trị, các bộ ngành. Họ vừa là người đứng đằng sau những cuộc khủng hoảng và xung đột chính trị, vừa là người góp phần tạo nên hòa bình và chuyển biến tích cực cho xã hội. Các học giả nữ đã đóng góp những nghiên cứu quan trọng trả lời các câu hỏi thiết yếu về chính sách công. Họ góp phần làm thay đổi cách thức các chính trị gia và các chính phủ thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như chi tiêu ngân sách. Tuy nhiên, mặc dù nguyện vọng và năng lực đóng góp của phụ nữ vào các diễn đàn chính trị đã được chứng thực, và mặc dù đã có những thành tựu nhanh chóng trên các chỉ số phát triển con người quan trọng, phụ nữ Châu Á mới chiếm 18,2% số ghế trong các quốc hội trong khi tỷ lệ này ở khu vực Thái Bình Dương là 15,2%. Tỷ lệ này thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ trung bình toàn cầu là 18,4%. Chỉ riêng khu vực Thái Bình Dương đã chiếm tới bốn trong số sáu quốc gia trên toàn thế giới không có nhà lập pháp nào là phụ nữ.

Các rào cản về xã hội, chính trị, kinh tế, và trong một số trường hợp là pháp luật đã ngăn cản sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động chính trị chính thức và phi chính thức, cũng như vào các vị trí cao hơn trong chính cơ cấu chính quyền. Những rào cản này được thể hiện theo nhiều cách khác nhau trong đời sống cá nhân và đời sống xã hội. Những người chồng và các gia đình thường gửi đi một thông điệp là phụ nữ không thể làm lãnh đạo mà ngược lại, thuộc về gia đình. Các đảng chính trị thường tránh đề cử ứng cử viên nữ vì họ thường có ít nguồn lực để thực hiện chiến lược tranh cử

hơn và ít quan hệ với các cử tri có tầm ảnh hưởng lớn. Trong một số trường hợp, tôn giáo được sử dụng làm nền tảng cho những quy định cấm đoán dựa trên giới tính.

Chỉ tiêu giới: Gia tăng số lượng

Đặt ra chỉ tiêu về số lượng phụ nữ tham gia chính trị nhằm tạo ra một giải pháp “cấp bách” cho tình trạng những thiệt thòi về mặt lịch sử của phụ nữ, giúp tăng số lượng phụ nữ tham gia chính trị trong một thời gian tương đối ngắn. Chỉ có khoảng một phần ba số quốc gia ở Châu Á – Thái Bình Dương hiện nay có đặt ra những chỉ tiêu về cơ cấu giới trong chính trị. Ở những quốc gia không có chỉ tiêu này, tỷ lệ phụ nữ tham gia nắm những cương vị dân cử là khoảng 14% trong khi tỷ lệ này ở các quốc gia có chỉ tiêu là 20,4%. Việc đặt ra chỉ tiêu nên được xem xét không chỉ đối với những cơ quan dân cử mà cả trong các cơ quan tư pháp và những vị trí lãnh đạo trọng yếu khác nơi chênh lệch về giới đang hiện hữu hoặc gia tăng.

Mặc dù đã cho thấy tác dụng của mình trong việc tăng cường sự tham gia chính trị của phụ nữ, việc đặt ra chỉ tiêu về giới hiện vẫn đang là một đề tài gây tranh cãi trong khu vực, thậm chí còn bị coi là hành động bất hợp pháp ở một số quốc gia. Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu liên quan tới các định kiến xã hội về giới cũng như tới truyền thống và hệ tư tưởng chính trị. Về cơ bản, chỉ tiêu giới sẽ tạo ra những thay đổi đột ngột trong cơ cấu quyền lực chính trị và khuấy động sự phản ứng của những người nghĩ rằng mình sẽ bị loại ra ngoài. Nhìn bề ngoài, việc đặt ra chỉ tiêu có vẻ như là trái với những nguyên tắc về dân chủ và cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người. Hành động này có thể bị coi là dẫn tới việc lựa chọn ứng cử viên dựa trên giới tính chứ không dựa trên phẩm chất của họ, và ngăn cản những người có phẩm chất vượt trội hơn được bầu.

Những luận điểm ủng hộ việc đặt ra chỉ tiêu giới bao gồm ý kiến cho rằng chỉ tiêu giới không phải là một hình thức phân biệt đối xử mà là một cách để bù đắp cho những rào cản to lớn khiến cho phụ nữ không thể nắm giữ những vị trí quan trọng, đặc biệt là ở cấp cao. Phụ nữ ở một số quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương cũng đấu tranh rằng khi các đảng chính trị được tự do lựa chọn người đề cử theo định kiến giới tính của mình thì ngay bản thân việc này cũng đã là phi dân chủ và cản trở việc thực hiện đầy đủ các quyền của cử tri.

Quy định pháp luật là bước đi đầu tiên và quan

trọng quyết định sự thành bại của việc đặt ra chỉ tiêu về giới. Nhìn chung, khi các quy định của hiến pháp hoặc quy định bầu cử đòi hỏi các đảng chính trị phải đề cử ứng viên nữ để được tranh cử vào các vị trí, các đảng thường sẽ đáp ứng yêu cầu này, đặc biệt là khi có các chế tài đối với những đảng không thực hiện đúng. Ngược lại, khi chỉ tiêu giới đặt ra quá thấp hay các đảng được phép tự chọn chỉ tiêu cho đảng mình thì chỉ những đảng có cam kết lý tưởng về vấn đề bình đẳng giới mới đề cử nhiều ứng viên là nữ. Số liệu thống kê đã khẳng định điều này: ở Châu Á – Thái Bình Dương, bình quân số lượng phụ nữ được bầu vào nghị viện ở những quốc gia có quy định chỉ tiêu giới trong hiến pháp là 23,4% và theo quy định về bầu cử là 21,1%. Chủ nghĩa chiểu lệ trong việc đặt chỉ tiêu giới bao gồm những trường hợp trong đó dù có chỉ tiêu hay không thì cơ hội được bầu của phụ nữ vẫn không đổi.

Các thành tố đảm bảo hiệu quả của hệ thống chỉ tiêu giới bao gồm có quy định pháp luật phù hợp, chỉ tiêu được tính toán kỹ phù hợp với hệ thống bầu cử và phát huy được các sáng kiến chính trị, có hướng dẫn và khuôn khổ thời gian rõ ràng, có biện pháp đối phó với những xu hướng đối nghịch, và có chế tài cho những đối tượng không tuân thủ. Một khía cạnh khác là phải trang bị cho phụ nữ kiến thức để họ hiểu về các quy trình chính trị và làm thế nào để những quy trình đó phục vụ cho lợi ích của bản thân và cử tri của họ. Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng quản lý và giảm thiểu những phàn nàn về năng lực của các “ứng cử viên chỉ tiêu”.

Không được chào đón vào các chính đảng

Các đảng chính trị là những người gác cửa của hệ thống chính trị tại hầu hết các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương. Các đảng này cung cấp ngân quỹ, huy động tập hợp cử tri, sáng tạo và quảng bá cương lĩnh của đảng, và truyền đi một hình ảnh rằng họ là đảng phái được nhiều cử tri biết đến. Khi một ứng cử viên liên minh với một đảng chính trị thì về cơ bản là họ đang bước vào một hệ thống có kinh nghiệm tổ chức chiến dịch tranh cử và giành thắng lợi.

Do các đảng được lập ra nhằm củng cố và giành quyền lực chính trị nên phần lớn các hoạt động của họ là xoay quanh mục tiêu này. Các đảng thường nhìn nhận phụ nữ là những ứng cử viên có nhiều rủi ro, có thể một phần là do lịch sử tham gia của phụ nữ vào giữ các vị trí trọng yếu còn hạn chế

và các ứng viên nữ thường chỉ có thể đóng góp ít nguồn lực và quan hệ chính trị hơn cho chiến dịch tranh cử. Các ứng cử viên nữ thường được hưởng lợi từ các đảng chính trị có quy định rõ ràng về việc đối xử bình đẳng với tất cả mọi người thuộc mọi giới tính, hoặc các quy định tiến xa hơn một bước nữa là có những ưu tiên bù đắp cho nữ giới. Điều này có thể thực hiện được không chỉ thông qua hệ thống chỉ tiêu giới mà còn qua các quy định về việc sắp xếp thứ hạng các ứng cử viên nữ trong danh sách đề cử hoặc các thỏa thuận về tỷ lệ thành viên là nữ trong ủy ban đề cử của đảng. Hiện nay, tài chính càng ngày trở thành một điều kiện quan trọng cho việc tham gia vào hệ thống chính trị. Do đó, các mô hình vận động tài chính cho các chiến dịch tranh cử cần được thanh kiểm tra kỹ cả trong nội bộ đảng cũng như bởi cơ quan giám sát bầu cử, không chỉ với nhận thức về khả năng tiếp cận hạn chế của các ứng viên nữ, mà còn với yêu cầu đảm bảo các quy trình chính trị ngày càng trong sạch hơn.

Phụ nữ ngày càng có bề dày kinh nghiệm hoạt động – cả với tư cách là những chính trị gia được bầu và với tư cách là cử tri – cũng có thể được coi là một luận điểm để các đảng chính trị có sự nhìn nhận thích đáng hơn về phụ nữ. Trong một số trường hợp, quan điểm của các cử tri về giá trị của phụ nữ trong hệ thống chính trị còn vượt trội hơn so với quan điểm của bản thân các chính trị gia. Tuy nhiên, phụ nữ cả ở trong và ngoài hệ thống chính trị đều cần thấy rằng họ có thể và nên tham gia hoạt động chính trị, hướng tới những vị trí cao, và tạo nên những thay đổi có ý nghĩa cho bản thân và xã hội. Việc hỗ trợ phụ nữ tăng cường kiến thức, năng lực và tâm huyết với các vị trí công quyền có thể được thực hiện thông qua các chương trình đào tạo chất lượng cao cũng như các cơ hội xây dựng kỹ năng khác. Khuyến khích sự tham gia của nam giới vào quá trình này cũng có thể giúp gia tăng sự ủng hộ về chính trị dành cho phụ nữ.

Hướng tới những cuộc bầu cử bình đẳng hơn

Hệ thống bầu cử hoạt động trong một mạng lưới phức tạp được tạo ra bởi chính những quy định của nó kết hợp với các quy tắc xã hội và tập quán chính trị. Các quy định về bầu cử thường được coi là yếu tố có thể cải biến theo hướng có lợi cho bình đẳng giới dễ dàng và nhanh hơn so với các quy tắc xã hội ngăn cản sự phát triển của phụ nữ, mặc dù cả hai yếu tố này đều cần phải được

giải quyết. Các đảng chính trị có thể dành nhiều ngân sách hơn cho phụ nữ và định đoạt việc gây quỹ cũng như chi tiêu. Hoạt động kiểm soát tài chính trong vận động tranh cử cũng có thể giảm tình trạng quan hệ giữa mạnh thường quân–chính trị gia trong đó các chính trị gia được bầu dành những ưu đãi, đặc biệt là trong chi tiêu công, cho những nhà tài trợ lớn cho chiến dịch của mình. Một nguyên tắc bao trùm là khi những cuộc bầu cử được tổ chức tốt, hòa nhập và bình đẳng, trong đó việc sử dụng bạo lực và hối lộ nhằm đạt lợi ích chính trị được ngăn chặn thì cả nam giới, phụ nữ, và toàn xã hội đều được lợi. Các quy định bầu cử có thể hỗ trợ cho những nỗ lực của xã hội dân sự và các tổ chức giáo dục trong việc tuyên truyền, quảng bá cho bình đẳng giới theo một cách thức trung lập về chính trị – thông qua tuyên truyền, giáo dục cho cử tri và đào tạo các ứng cử viên nam và nữ, cũng như các đảng chính trị về bình đẳng giới.

Phụ nữ tham gia vào các cuộc chiến và đóng góp cho hòa bình

Phụ nữ đóng một vai trò đáng ngạc nhiên trong và sau các cuộc xung đột – đáng ngạc nhiên vì sự có mặt của họ trong các cuộc xung đột là rất phổ biến nhưng lại thường không được để ý. Trong những lực lượng quân sự không thuộc nhà nước, phụ nữ thường phải đối mặt với những điều kiện sống và nguy cơ tương tự như những gì nam giới phải chịu. Xung đột có thể giao thoa với vấn đề phụ nữ tham gia chính trị ở nhiều điểm khác nhau, trong đó có việc thách thức những luật lệ, định kiến truyền thống. Quá trình này cũng có thể giúp phụ nữ có sự nhìn nhận sâu sắc về nguyên nhân dẫn đến xung đột cũng như giải pháp để đạt tới hòa bình. Nhiều kỹ năng họ học được trong chiến tranh có thể được sử dụng rất hữu ích trong thời bình.

Các giai đoạn hậu xung đột là giai đoạn có nhiều cơ hội để đạt được những thỏa thuận chính trị trong hòa bình xóa bỏ mô hình thống trị cũ thường là do nam giới làm chủ. Những giai đoạn này thường hứa hẹn sự đại diện một cách bình đẳng hơn cho cả quyền lợi của phụ nữ và nam giới. Phụ nữ thường vượt qua được một số hình thức bạo lực cụ thể diễn ra trong các quá trình hòa giải, nhưng nhu cầu của họ thường bị xem nhẹ. Điều này đe dọa sự ổn định của cộng đồng, đặc biệt là khi một số lượng lớn nam giới đã chết trong quá trình xung đột. Tình trạng này cũng cản trở khả năng phục hồi và phát triển của quốc gia trong dài hạn.

Một số quốc gia hậu xung đột đã có những nỗ lực đáng khen ngợi nhằm mở rộng vai trò chính trị của phụ nữ, bắt đầu bằng việc giao các vị trí cấp cao cho phụ nữ trong các tiến trình hòa bình. Các thỏa thuận hòa bình tạo cơ hội để thúc đẩy sự hòa nhập bình đẳng, cải cách dân chủ và bình đẳng giới, đặc biệt là thông qua minh chứng về sự tham gia của phụ nữ. Những sáng kiến dành cho phụ nữ có thể bao gồm hỗ trợ tâm lý cho họ và giúp họ chuyển những năng lực mà họ có được trong thời chiến thành những kỹ năng có giá trị kinh tế và có ích cho xã hội.

Chuyển biến thông qua sự tham gia

Lịch sử tham gia chính trị của phụ nữ ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương không tương xứng với những thành quả và tham vọng phát triển của khu vực này. Một vài quốc gia có thể đã đạt được những tiến bộ khá quan trọng ở cấp quốc gia và địa phương, nhưng trên bình diện toàn khu vực thì Châu Á – Thái Bình Dương vẫn đang đi sau hầu hết các vùng khác trên thế giới. Sự tham gia chính trị của phụ nữ cản trở thành một phần của mục tiêu xây dựng những xã hội dân chủ, ổn định, và dựa trên nền tảng bình đẳng đích thực cho mọi công dân. Nếu có thêm nhiều phụ nữ có thể ngồi vào chiếc bàn chính trị, họ sẽ mang đến những cách nhìn mới cũng như tài năng và sự tâm huyết vào quá trình ra quyết sách. Chính trị và việc hoạch định chính sách sẽ đáp ứng tốt hơn đối với một loạt các vấn đề quan tâm của cộng đồng trước đây bị bỏ qua – đồng thời trở nên toàn diện hơn trong các quyết sách về sử dụng những nguồn lực của quốc gia. Lúc đầu đây có thể là một quá trình không mấy dễ dàng. Nhưng thông qua việc khắc sâu dân chủ, quá trình này sẽ dẫn đến sự chuyển biến tích cực cho toàn thể công dân.

Thúc đẩy các quyền pháp định

Ngày nay, Châu Á – Thái Bình Dương đang có số lượng các đạo luật hỗ trợ sự tiến bộ của phụ nữ nhiều hơn bất cứ thời điểm nào trong lịch sử. Thành quả này xứng đáng được nhìn nhận và là nền tảng cho những bước tiến tiếp theo. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng như vậy chắc chắn là chưa đủ. Hơn một nửa số quốc gia Đông Á và Thái Bình Dương và hơn ba phần tư số quốc gia Nam Á bị đánh giá là có mức độ phân biệt đối xử ở mức trung bình và cao đối với phụ nữ trong các quyền lợi về kinh tế. Tình hình trên lĩnh vực quyền lợi xã

hội thậm chí còn tệ hơn – và đang có chiều hướng xấu đi. Hệ thống pháp luật ở hầu hết các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương hiện đang bị giằng xé giữa những trường ảnh hưởng khác nhau – từ di sản của chủ nghĩa thực dân tới nhu cầu bản địa tới các quy định về nhân quyền quốc tế. Điều này một phần giải thích tại sao nhiều hệ thống pháp luật lại bao gồm những quy định mâu thuẫn hoặc cổ hủ hoặc mang màu sắc phân biệt đối xử. Tuy nhiên, trên con đường hướng tới sự phát triển của con người và trong sự bao quát của những mô hình xã hội hiện đại được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng, chúng ta cần quan tâm nhiều hơn nữa tới việc những quy định pháp luật đang cản trở bước tiến của phụ nữ như thế nào và có thể gây ra những khó khăn gì nữa cho sự tiến bộ của phụ nữ, nam giới, và toàn xã hội.

Châu Á – Thái Bình Dương đang tụt hậu rất xa so với những gì khu vực này lẽ ra phải đạt được trong những vấn đề cơ bản như bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực, bảo vệ quyền của phụ nữ đối với tài sản, hoặc thậm chí là cho phép họ ly dị theo một cách thức có cân nhắc và hợp lý. Có hai rào cản chính dẫn đến tình trạng này: Rào cản đầu tiên là từ bản thân quá trình xây dựng luật, trong đó sự phân biệt đối xử mặc nhiên tồn tại và đầy rẫy những điểm thiếu sót, mâu thuẫn. Rào cản thứ hai là khả năng tiếp cận hạn chế của phụ nữ với hệ thống pháp luật và công lý. Rào cản này bao gồm tất cả những lý do khiến cho phụ nữ – vì lý do họ là phụ nữ – không liên lạc với cảnh sát hoặc tòa án hoặc các cơ chế bảo vệ công lý khác để được giúp đỡ, hoặc không được đối xử một cách bình đẳng khi họ có liên lạc với những cơ quan này.

Những khuyết thiếu trong nội dung quy định của luật

Mọi hệ thống pháp luật đều được xây dựng dựa trên một số nguyên tắc cơ bản. Ba nguyên tắc chính được nêu ra trong Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) đều có liên quan mật thiết với vấn đề bình đẳng giới và đã được thể hiện trong hiến pháp của hầu hết các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương bao gồm nguyên tắc về nghĩa vụ của quốc gia, nguyên tắc về bình đẳng, và nguyên tắc chống phân biệt đối xử. Khi những nguyên tắc này được quy định một cách hạn chế hoặc quá chung chung như trong hiến pháp của nhiều quốc gia, hệ thống tòa án sẽ được tùy ý diễn giải những

nguyên tắc đó, kể cả theo những cách thức duy trì sự phân biệt đối xử.

Một trong những hậu quả của việc này là những khuyết thiếu trong quy định của hệ thống pháp luật về những vấn đề liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Ở những khu vực mà pháp luật còn nhiều điểm khiếm khuyết, tình trạng bạo lực đối với phụ nữ đã tồn tại dai dẳng. Tại Nam Á, gần một nửa số quốc gia chưa có luật về bạo lực gia đình; còn ở khu vực Thái Bình Dương, tình hình thậm chí còn trầm trọng hơn khi hơn 60% các quốc gia ở đây chưa có luật này. Trong khi đó, khu vực Đông Á có hơn ba phần tư số quốc gia đã có hoặc đã soạn thảo luật về bạo lực gia đình trong vòng một vài năm gần đây. Tuy nhiên, nhiều quốc gia chưa quy định chế tài xử phạt đối với hành vi bạo hành giới hoặc nếu có thì lại bó hẹp trong một số hành vi đơn lẻ trong những hoàn cảnh cụ thể.

Các đạo luật mang màu sắc phân biệt đối xử thường biện hộ là xuất phát từ sự khác nhau về giới. Trong một số trường hợp, điều này là đúng. Ví dụ trường hợp luật lao động một số nước bảo vệ phụ nữ bằng cách quy định hạn chế họ nhận được những việc làm được coi là không an toàn cho phụ nữ. Trong một số trường hợp khác, quy định mang màu sắc phân biệt là do mặc nhiên kế thừa những quy định trong quá khứ mà không có cân nhắc; hoặc là sự phản ánh một định kiến xã hội về năng lực thể chất và tinh thần của phụ nữ, cũng như năng lực làm việc của họ trong một môi trường ngoài gia đình.

Một số quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương có những quy định đặc cách đối với phụ nữ thuộc một số cộng đồng đặc biệt cho phép họ tuân theo những quy định riêng của cộng đồng mình mà chủ yếu là chịu ảnh hưởng của tôn giáo. Các đạo luật về gia đình, tài sản và thừa kế là những quy định dễ bị ảnh hưởng, thay đổi vì những đặc cách này nhất. Chính việc thiếu tính tiêu chuẩn hóa này là một phần lý do giải thích tại sao Châu Á là nơi có số lượng xin bảo lưu Công ước CEDAW vì lý do “tính tương thích với các quy định truyền thống” nhiều hơn bất cứ khu vực nào khác trên thế giới. Ngược lại, khu vực Trung và Đông Âu, Các quốc gia Độc lập thuộc Khối thịnh vượng chung, và Mỹ La tinh là những nơi không có trường hợp bảo lưu nào vì lý do này.

Khả năng tiếp cận tư pháp phụ thuộc vào giới

Có nhiều nhân tố khác nhau cản trở khả năng tiếp cận của phụ nữ với hệ thống tư pháp. Có thể do

tòa án ở xa nơi sinh sống, và việc di chuyển thường khó khăn hơn đối với phụ nữ. Có thể do quy tắc xã hội ở một số nơi quy định rằng phụ nữ không được rời khỏi nhà mình hoặc di chuyển từ nơi này đến nơi khác hoặc chủ động trong các hoạt động mang tính công cộng. Vì phụ nữ nói chung thường phải chịu trách nhiệm chính trong các công việc nhà nên họ ít có khả năng dành thời gian để tham gia vào những quá trình pháp lý phức tạp và gặp gỡ luật sư. Nếu họ có việc làm, như đã trình bày ở trên, họ thường được trả lương thấp hơn so với nam giới và phải chịu những điều kiện làm việc kém hơn. Chính điều này lại làm giảm khả năng chi trả cho các dịch vụ pháp lý và làm tăng nguy cơ khi họ phải dành thời gian để theo đuổi những thủ tục này.

Phụ nữ có thể gặp phải những mối đe dọa, trong đó có bạo lực, khi theo đuổi những giải pháp pháp lý có thể gây bất lợi cho chồng hoặc các thành viên khác trong gia đình họ. Phụ nữ có thể lo sợ sẽ mất con cái và nguồn kinh tế để duy trì cuộc sống. Có thể ngay trong bản thân phụ nữ cũng tồn tại định kiến về giới và họ tin rằng phụ nữ phải chịu đựng trong im lặng và rằng phụ nữ là tầng lớp thấp kém hơn và chỉ xứng đáng với những gì thấp kém hơn.

Kể cả những phụ nữ có điều kiện tiếp cận với hệ thống tư pháp để giải quyết vấn đề của mình – dù đó là tòa án, cảnh sát, luật sư, hay các cơ chế khác ở địa phương – cũng vẫn gặp phải nhiều khó khăn. Hoạt động tư pháp thực tế cũng bị ảnh hưởng bởi những định kiến, quy tắc xã hội mang tính phân biệt đối xử không thừa nhận các quyền và mối quan tâm của phụ nữ, hoặc không xem xét quyền và mối quan tâm đó một cách nghiêm túc và công bằng.

Hệ thống pháp luật phức tạp đòi hỏi quá trình tố tụng phiền hà là một trong những lý do khiến phụ nữ không được hưởng công lý. Ví dụ, ngoài thực tế là những nguyên nhân do nam giới đưa ra khi xin ly dị thường được xem xét nghiêm túc hơn, hệ thống giải quyết ly dị ở hầu hết các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương hiện nay vẫn xử lý dựa trên bất lỗi. Điều này có nghĩa là bắt buộc phải có một quá trình chứng minh sai phạm của một trong hai bên như ngoại tình, bỏ đi trong một số năm nhất định, cố tình từ chối quan hệ hôn phối, thường xuyên đối xử tàn nhẫn... Các bên phải thuê luật sư, làm hồ sơ xin mở phiên tòa xét xử và tự cung cấp nhân chứng trước tòa để đưa ra chứng cứ – đây là một gánh nặng quá lớn, đặc biệt là đối với những phụ nữ nông thôn nghèo.

Trên khắp khu vực, phụ nữ luôn gặp phải một trở ngại là sự bất bình đẳng về kinh tế khi đấu tranh đòi quyền nuôi con trong các vụ ly dị. Một số quốc gia áp dụng nguyên tắc hành động “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” thường diễn giải nguyên tắc này gắn với khả năng tài chính theo đó hầu hết lợi thế thuộc về nam giới. Phụ nữ thường có những bất lợi về tài chính vì được tiếp cận ít hơn với giáo dục, việc làm và tài sản; hoặc vì trước khi ly dị họ phải phụ thuộc về kinh tế vào người chồng.

Hệ thống tòa án nhiều quốc gia vẫn tiếp tục thực hiện những hoạt động tố tụng gây ảnh hưởng tới danh dự nhân phẩm của phụ nữ. Mặc dù hầu hết quốc gia trong khu vực đang chuyển sang quy định hình thức xét xử kín đối với các vụ án nhạy cảm như hiếp dâm và bạo lực gia đình, nạn nhân nữ vẫn thường phải trình bày lại những gì mình đã trải qua một cách chi tiết, nhiều khi phải trình bày với cán bộ là nam giới trong bối cảnh nền văn hóa của họ có những hạn chế hết sức khắt khe đối với những cuộc nói chuyện về vấn đề tình dục. Các quy định mang tính phân biệt đối xử trong quy trình xét xử và đánh giá chứng cứ của tòa án cũng góp phần hạn chế hoặc bóp méo tiếng nói của phụ nữ tại một số quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương.

Một trong những trường hợp thường thấy nhất của tình trạng hệ thống tòa án không bảo vệ được lợi ích của phụ nữ là khi họ không kiên quyết thi hành bản án hoặc theo đuổi đến cùng các hành vi phạm tội chống lại phụ nữ. Tình trạng này diễn ra do thiếu nguồn lực con người và tài chính để thực thi các quyết định của tòa án; thiếu các chế tài đối với cán bộ tư pháp khi họ đưa ra những quyết định thiên lệch, trong đó có những quyết định “lách luật”, thậm chí trái luật; và thiếu những chương trình đào tạo cho cán bộ cảnh sát và tòa án về vấn đề giới và các tội phạm cụ thể liên quan đến vấn đề giới.

Xóa bỏ những rào cản về giới bằng pháp luật

Để có thể bình đẳng tiếp cận với các cơ hội phát triển con người, trong đó có những cơ hội chỉ có được thông qua việc tăng cường quyền và tiếng nói về chính trị và kinh tế, phụ nữ cần được hưởng các quyền và sự bảo vệ bình đẳng của pháp luật. Tuy nhiên đây là điều mà chưa quốc gia nào ở Châu Á – Thái Bình Dương làm được. Kể cả ở những quốc gia đã nỗ lực xóa bỏ những quy định mang tính phân biệt đối xử, hệ thống pháp luật và hoạt động thực thi vẫn còn nhiều khiếm khuyết trong

việc kiểm soát các định kiến về giới. Ly dị, thừa kế, bạo lực giới, quyền của người lao động, quy định về chứng cứ, quyền công dân – danh sách các vấn đề cấp bách cần được quan tâm giải quyết còn dài và rất đáng lo ngại.

Tuy nhiên, như một số quốc gia đang bắt đầu cho thấy, những khiếm khuyết này có thể được giảm thiểu và thậm chí là xóa bỏ triệt để trong một số trường hợp. Việc nhận ra rằng bản thân luật pháp không phải là hoàn toàn không thiên lệch là một bước tiến quan trọng. Luật pháp có ảnh hưởng sâu sắc đến sự pháp triển theo rất nhiều cách khác nhau và cũng là nền tảng hình thành nên nhiều hoạt động khác không mang tính pháp lý. Do đó luật pháp và các quy trình pháp lý cần được xây dựng để thực sự thúc đẩy bình đẳng giới.

Luật pháp và hoạt động pháp lý, cả trên lý thuyết lẫn trong thực tế, đều cần được xây dựng và thực thi theo hướng xóa bỏ những rào cản về giới. Điều này không có nghĩa là tạo ra chủ nghĩa thiên vị về pháp lý đối với phụ nữ hay các nhóm bị thiệt thòi khác. Tuy nhiên, ít nhất mọi người cũng cần nhận thấy rằng khi người dân không thể tiếp cận được với tòa án hoặc bị xét xử chủ yếu dựa trên yếu tố giới tính của họ thì công lý đã không được thực hiện. Cải cách pháp luật không thể chỉ dừng ở sửa đổi các văn bản luật, mà vấn đề thực thi luật pháp cũng không thể bị xem nhẹ.

Nhiều quốc gia trong khu vực đã thể hiện cam kết bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật và nghiêm cấm phân biệt đối xử trong hiến pháp – văn bản pháp lý tối cao của quốc gia mình. Các sáng kiến pháp lý mang tính tiến bộ cả trong lĩnh vực tư pháp và lập pháp là minh chứng cho những tiến bộ đã đạt được về bình đẳng giới. Những cam kết tiếp nối những thành tựu này trong hệ thống pháp luật cần được giữ vững, vì xét cho cùng thì đây chính là những gì quan trọng nhất.

Tiến tới bình đẳng về quyền năng và tiếng nói

Ngày nay, Châu Á – Thái Bình Dương đang đứng trước một thời điểm bước ngoặt. Ngày càng có nhiều người nhận thấy những lợi ích của bình đẳng giới đối với cá nhân và xã hội. Đã đến lúc cần hành động vượt ra ngoài những nỗ lực đơn lẻ để tạo ra sự thay đổi. Báo cáo này kêu gọi củng cố các chính sách và chương trình nâng cao năng lực, tạo quyền cho phụ nữ, bao gồm việc lồng ghép hoạt động phân tích về giới trở thành yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chính sách. Sau đó, sự

ủng hộ về chính trị và pháp lý sẽ giúp đưa những chính sách và chương trình này trở thành một vấn đề trung tâm – làm “biến đổi về chất” – trong các hoạt động chính thức.

Trong quá trình đó, các thể chế cần phải thay đổi vì đây chính là nhân tố quy định quan hệ tương tác giữa các chủ thể trong xã hội và quyết định ai là người có quyền và có tiếng nói quan trọng hơn. Nhiều thể chế tồn tại ở Châu Á – Thái Bình Dương đang tạo nên những quan hệ bất bình đẳng vì xã hội vẫn chấp nhận chúng hoặc không phát hiện ra tính chất bất bình đẳng của chúng, hoặc việc thay đổi chúng trái với lợi ích của các nhóm quyền lực trong xã hội. Làm biến đổi về chất các thể chế không chỉ là hoạt động lồng ghép vấn đề giới một cách đơn thuần vốn thường ít đem lại hiệu quả vì trong những hoạt động này, giới được coi là một yếu tố “thêm vào” các thể chế đã có sẵn mà mục tiêu cuối cùng của những thể chế đó lại không phải là bình đẳng giới. Lồng ghép làm biến đổi về chất có nghĩa là tìm ra những điểm giao thoa giữa các nguồn lực, của cải, kiến thức, năng lực và quyền và kết hợp chúng với những nguyên tắc về bình đẳng và công bằng thay vì để mặc tình trạng hiện có cứ diễn ra như thế.

Để sự biến đổi này được bền vững, thái độ nội tại của các thể chế cũng như thái độ của toàn xã hội cũng cần phải thay đổi. Chừng nào phụ nữ còn tiếp tục không được coi là những công dân bình đẳng so với nam giới thì những tiến bộ trong lĩnh vực này vẫn còn hạn chế. Việc đánh giá những khó khăn và những chuyển biến đã đạt được thông qua lượng giá cụ thể là một phần quan trọng trong cả quá trình biến đổi thể chế và thay đổi thái độ vì đánh giá này cho chúng ta thấy những gì đang diễn ra trên thực tế. Nhiều vấn đề về bình đẳng giới hiện còn chưa rõ ràng đơn giản là vì những vấn đề đó chưa được đánh giá cụ thể.

Một chương trình hành động

Mặc dù mỗi quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương đều có những nhu cầu và lựa chọn riêng của mình trong việc theo đuổi bình đẳng giới, một số chiến lược bao trùm có thể áp dụng chung cho tất cả quốc gia. Tám khuyến nghị được trình bày sau đây tóm tắt những định hướng hoạt động chính đề xuất cho ba lĩnh vực mà Báo cáo này tập trung vào.

1. Biến các cam kết quốc tế thành hiện thực. Các quốc gia nên phê chuẩn và áp dụng các công ước quốc tế để thúc đẩy nhân quyền, tôn trọng sự khác biệt và bình đẳng cho tất cả mọi

người. Tuyên ngôn toàn cầu về nhân quyền đã xác lập một nền tảng về bình đẳng giới và được cụ thể hóa trong Công ước CEDAW. Châu Á – Thái Bình Dương nên tập trung vào việc bãi bỏ các bảo lưu đối với Công ước CEDAW nhằm tạo điều kiện cho việc điều chỉnh luật pháp của các quốc gia trong khu vực ngày càng phù hợp hơn với Công ước này. Các biện pháp bảo vệ và tăng quyền cho phụ nữ cần được lồng ghép vào cả chính sách và hành động.

2. Điều chỉnh chính sách kinh tế để thúc đẩy bình đẳng giới. Bản chất thiếu nhạy cảm đối với vấn đề giới của quá trình hoạch định chính sách kinh tế rất thường đưa đến những quyết định vô tình tước đi cơ hội của phụ nữ dù không chủ ý. Do đó, cần có sự quan tâm hơn tới vấn đề giới và những ảnh hưởng của nó đối với các lựa chọn kinh tế của phụ nữ trong quá trình ra quyết định – đặc biệt là trong các chính sách can thiệp giảm nghèo để tạo ra cơ hội bình đẳng cho cả phụ nữ và nam giới. Các chính phủ nên chú ý đảm bảo chính sách tài chính và tiền tệ của mình có tác dụng giải phóng khả năng lãnh đạo và tinh thần doanh nhân trong nữ giới. Chính sách tiền tệ có thể được điều chỉnh để thúc đẩy bình đẳng trong tăng trưởng và phát triển – chẳng hạn như thông qua hoạt động cho vay đối với phụ nữ nghèo có mong muốn phát triển kinh tế. Chính sách tài chính nên hướng tới phân bổ ngân sách trên cơ sở bình đẳng giới trong tất cả các hạng mục thu và chi ngân sách.

3. Làm cho nội dung giáo dục trở nên bình đẳng hơn về giới. Do các hệ thống giáo dục vẫn đang mang nặng những định kiến về giới, chính quyền cấp quốc gia và địa phương nên tăng cường nhận thức về giới trong các hệ thống này, đặc biệt là thông qua các hoạt động đào tạo cho giáo viên. Có thể mời các tổ chức xã hội dân sự và chuyên gia về giới tham gia hướng dẫn việc đánh giá và xây dựng các bộ sách giáo khoa và xác định những tài liệu giảng dạy có chứa những thông tin làm sâu sắc thêm những định kiến về giới. Trường học nên thúc đẩy sự lãnh đạo và chủ động tham gia ra quyết định của nữ giới làm hình mẫu cho các học sinh nữ noi theo.

4. Tăng cường sự tham gia chính trị. Các cơ quan lập pháp, các đảng chính trị và các nhà lãnh đạo cần ghi nhận tầm quan trọng của việc phụ nữ tham gia chính trị đối với tính dân

chủ và bình đẳng của xã hội. Các biện pháp đặc biệt nhằm tăng cường số lượng và chất lượng các đại biểu nữ cũng như những người đại diện cho quyền lợi phụ nữ trong các cấp chính quyền có thể bao gồm việc đặt ra chỉ tiêu giới, cải cách các đảng chính trị, tuyên truyền về giới, và xây dựng năng lực. Tất cả những biện pháp này cần được thực hiện với tinh thần thực sự mong muốn thay đổi, tránh chủ nghĩa hình thức hoặc sự thao túng để đạt được lợi ích chính trị. Các nhà lãnh đạo chính trị ở cấp quốc gia và địa phương nên có biện pháp đảm bảo một cơ cấu về giới cân bằng hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo mọi khía cạnh của hoạt động quản lý khủng hoảng như thiên tai, xung đột vũ trang, hoặc suy thoái kinh tế kéo dài.

5. Theo đuổi hệ thống pháp luật bình đẳng về giới. Cơ quan lập pháp các nước có thể đạt được lợi ích từ việc cải cách các đạo luật mang tính phân biệt đối xử về giới và xây dựng những đạo luật mới khi cần thiết. Quá trình cải cách này nên bao gồm cả việc xóa bỏ những điểm thiếu thống nhất giữa hệ thống luật chính thống và luật tập tục vốn tạo điều kiện cho sự phân biệt đối xử, đồng thời xóa bỏ những khoảng cách giữa quy định của luật và những nguyên tắc hiến pháp. Các quốc gia nên có điều khoản cụ thể về vấn đề bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử trong hiến pháp. Điều này sẽ giúp hạn chế việc diễn giải tùy tiện của tòa án và các cơ quan hành pháp. Hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia nên được tổng rà soát chuyên đề về vấn đề bình đẳng giới trong đó có xem xét mức độ phù hợp với Công ước CEDAW như một số nước đã thực hiện.
6. Xử lý vấn đề phân biệt đối xử trong hệ thống pháp luật và xóa bỏ khoảng cách giữa luật pháp và việc thi hành luật. Hệ thống tư pháp cần đảm bảo rằng việc thi hành luật được thực hiện thống nhất với quy định của pháp luật trên văn bản và rằng người dân có thể tiếp cận dễ dàng với hệ thống tư pháp. Chương trình đào tạo các luật sư, thẩm phán, cảnh sát nên bao gồm nội dung giảng dạy về nhu cầu của các nhóm yếu thế trong xã hội. Không nên xét xử thiếu nghiêm khắc đối với những hành vi phạm tội đối với phụ nữ.
7. Cải thiện việc thu thập số liệu và tăng cường năng lực phân tích giới. Hệ thống thống kê cấp quốc gia cần được tăng cường năng lực

thu thập, báo cáo, và phân tích số liệu có phân chia theo giới tính, đặc biệt là ở những lĩnh vực thường bị xem nhẹ như mức độ phổ biến của tình trạng bạo lực giới hay chênh lệch giữa nam và nữ trong vấn đề sở hữu tài sản. Cần có các hoạt động đánh giá có hệ thống và liên tục nhằm tạo cơ sở cho những nỗ lực xây dựng chính sách để xóa bỏ những sự chênh lệch này.

8. Hình thành thái độ mới. Xã hội dân sự, giới truyền thông, các tổ chức học thuật, tôn giáo, giới kinh doanh, và những thành phần khác tham gia vào việc hình thành các thái độ xã hội cần được tác động, thuyết phục ủng hộ bình đẳng giới. Cần xây dựng các công cụ tuyên truyền hiệu quả và khám phá những kênh vận động quảng bá mới. Cần có hành động mạnh mẽ trong việc thúc đẩy nam giới hiểu về bình đẳng giới và các bước đi để đạt được tiến bộ này trên cơ sở ghi nhận vai trò đặc biệt quan trọng của họ.

Tạo ra những thay đổi bền vững

Việc triển khai đơn lẻ và không đầy đủ Chương trình hành động Châu Á – Thái Bình Dương về bình đẳng giới này sẽ không mang lại hiệu quả mong muốn. Để đạt được những chuyển biến tiến tới bình đẳng giới đòi hỏi những nỗ lực sâu và đồng bộ trong cả tám lĩnh vực cần tập trung đã nêu ở trên. Chương trình hành động này cần được triển khai đồng thời trên cả mặt trận kinh tế, pháp luật và chính trị trong đó có nhìn nhận sự tương liên giữa ba lĩnh vực này và phải được duy trì một cách bền vững. Cần phải mở rộng các giới hạn để những thay đổi thực sự bắt rễ vào cuộc sống và tạo nên đà phát triển cho chính nó.

Tăng cường bình đẳng giới là một điều kiện then chốt cho việc đạt được những thành quả phát triển con người trên toàn khu vực, theo đó mỗi người đều được quyền lựa chọn và có khả năng tiếp cận với những nguồn lực và cơ hội để sống một cuộc sống trọn vẹn như mong muốn. Không ai được phép tước đi những quyền lợi này của con người chỉ vì lý do giới tính của họ. Sự phát triển của con người là dựa trên những nguyên tắc về bình đẳng và quyền tham gia. Đây chính là con đường phát triển duy nhất hiệu quả và bền vững – trên đó công lý được đảm bảo cho tất cả mọi người.

QUYỀN NĂNG, TIẾNG NÓI và QUYỀN

**Thời điểm bước ngoặt đối với vấn đề
Bình đẳng giới ở Châu Á và Thái Bình Dương**



UNDP Regional Centre for Asia Pacific, Colombo Office
23 Independence Avenue
Colombo 7, Sri Lanka
Tel: +94 11 4526400; Fax: +94 11 4526410
www.undprcc.lk


MACMILLAN
Macmillan Publishers India Ltd.
www.macmillanpublishersindia.com